

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Đỗ Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân-gia đình thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm 3, thôn MT, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm 3, thôn MT, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Bà C có mặt tại phiên tòa, ông V vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2023 quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và ông Trần Quốc V tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, ngày 22/7/2005 vợ chồng đăng ký chứng nhận kết hôn tại UBND xã PH, huyện TP, tỉnh Bình Định.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, thì đến năm 2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V uống rượu về nhà có tính vũ phu thường xuyên đánh đập bà, vì các con bà đã nhịn nhục bỏ qua nhưng ông V tính nào tật nấy lại tiếp tục đánh bà nên từ năm 2013 đến nay bà và ông V mạnh ai

này sống. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Trần Thanh H, (giới tính: Nam) sinh ngày 04/4/1998 và Trần Thị Thanh Út T, (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/5/2006, sức khỏe các cháu bình thường, hiện cháu T đang ở bà, nay cháu T đã trên 07 tuổi, khi ly hôn nguyện vọng cháu muốn ở với ai quyền của cháu, nếu ở với bà thì bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, còn cháu H đã trưởng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Quốc V vắng mặt không có lý do:

Về các thủ tục giải quyết ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về việc bà C xin ly hôn, nhưng ông Trần Quốc V đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản hoặc quan điểm gửi Tòa án, vì vậy Tòa án không biết quan điểm của ông V về những nội dung bà C yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Trần Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông V. Về nội dung: Áp dụng Điều 56 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Trần Quốc V. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh Út T, (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/5/2006 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng vì nguyện vọng cháu T muốn ở với bà C, ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Thanh H đã trưởng thành bà C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu nên không xét. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Quốc V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227, 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Quốc V tự nguyện chung sống từ năm 1997, đến ngày 22/7/2005 vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện TP, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như bà C trình bày ông V nghe lời bạn bè không làm ăn, suốt ngày ăn nhậu, rồi về nhà gây chuyện đánh đập bà, vì thương con bà chấp nhận bỏ qua, nhưng ông V không sửa tính ăn nhậu và gây chuyện, từ năm 2021 đến nay ông V vào thành phố HCM làm ăn

thình thoảng mới về, từ đó vợ chồng không ai còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Bà C xác định không còn tình cảm với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Quốc V.

Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 9/5/2023 của Công an xã BT cung cấp: ông Trần Quốc V có hộ khẩu ở xóm 3, MT, BT, TS, Bình Định, số **hộ 21835– 004075, thuộc hộ bà Nguyễn Thị C làm chủ hộ là vợ của ông V**, hiện ông Trần Quốc V **vẫn ở địa phương chưa chuyển khẩu đi đâu**. Việc ông Trần Quốc V không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi đến Tòa án chứng tỏ ông Trần Quốc V không có trách nhiệm với hôn nhân của chính mình. Tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông Trần Quốc V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C, cho bà C được ly hôn ông Trần Quốc V.

[3] Về con chung: Bà C và ông V có 02 con chung: Trần Thanh H, (giới tính: Nam), sinh ngày 04/4/1998 và Trần Thị Thanh Út T, (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/5/2006, hiện cháu H đã trưởng thành, còn cháu T đang ở với bà C. Nay ly hôn cháu T có nguyện vọng ở với bà C nên HĐXX giao cháu T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, còn cháu H đã trưởng, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số 0007766 ngày 20/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Trần Quốc V.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh Út T, (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/5/2006 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà C không yêu cầu, riêng cháu Trần Thanh H đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu, nên không xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số 0007766 ngày 20/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Phước Hòa, Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trí

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA